

Ngày 14 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,182.77	766	15,460,000
Được chi trong ngày					15,460,000
Đã chi trong ngày					15,460,000
1. Dịch vụ					1,549,800
1	Dịch vụ thu		0	397	0
2	Dịch vụ thu		4,200	369	1,549,800
3			0	369	0
2. Kho					2,605,000
 Ăn chính					2,605,000
1	Gạo tẻ	Kg	24,000	33	792,000
2	Sữa Meta Care Kinder	Kg	259,000	7	1,813,000
3. Đi chợ					11,305,200
 Ăn sáng					3,985,200
1	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.5	120,000
2	Hành tây	Kg	20,000	4	80,000
3	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
4	Chả lụa	Kg	150,000	5	750,000
5	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
6	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.5	37,500
7	Muối iốt	Gói	4,000	1.8	7,200
8	Đường phèn	Kg	35,000	1.5	52,500
9	Ngò rí	Kg	60,000	1.5	90,000
10	Mắm ruốc	Chai	15,000	1	15,000
11	Sả cây	Kg	15,000	1	15,000
12	Sả xay	Kg	40,000	0.5	20,000
13	Hành lá	Kg	50,000	1	50,000
14	Bún tươi	Kg	18,000	26	468,000
15	Xương bò	Kg	150,000	3	450,000
16	Thịt bò	Kg	260,000	6	1,560,000
17	Cà rốt	Kg	25,000	3	75,000
 Ăn chính					7,320,000
1	Khoai sọ	Kg	35,000	18	630,000
2	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.2	96,000
3	Rau muống	Kg	9,000	5	45,000
4	Tỏi	Kg	150,000	1.2	180,000
5	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.4	70,000
6	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Chai	130,000	17.7	2,301,000
7	Tôm biển	Gói	180,000	1.5	270,000
8	Đường cát	Kg	30,000	1.8	54,000
9	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.4	35,000
10	Muối iốt	Chai	4,000	1.4	5,600
11	Ngò rí	Kg	60,000	1.6	96,000
12	Xương Heo	Kg	120,000	5	600,000
13	Sữa chua Ánh Hồng	Kg	4,200	397	1,667,400
14	Hành lá	Kg	50,000	1.3	65,000
15	Củ cải	Kg	20,000	6.5	130,000

16	Thịt cốt lếch	Kg	130,000	2	260,000
17	Bột nếp	Kg	20,000	10	200,000
18	Cơm dừa non	Trái	15,000	5	75,000
19	Đậu phộng (hạt)	Kg	60,000	1.5	90,000
20	Mè	Kg	100,000	1.5	150,000
21	Đậu xanh bỏ vỏ	Kg	50,000	6	300,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					26,103,152
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					110,761,648
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					7,537
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					152,115,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					152,115,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Phạm Thị Ngà



Phó hiệu trưởng

Phan Thị Hồng Huế